

6. Cung cấp thông tin tuyên truyền

6.1. Nhiệm vụ: Xây dựng chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; các mô hình hoạt động hiệu quả trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Sơn La và các hình thức thông tin đại chúng khác.

- Đối tượng hỗ trợ: Các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố; các tổ chức tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

- Số lượng: 05 chương trình.

- Định mức hỗ trợ: 50 triệu đồng/chương trình.

6.2. Kinh phí hỗ trợ thực hiện: 250 triệu đồng từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương

7. Hỗ trợ tổ chức tham quan mô hình, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, giới thiệu công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại cho các cơ sở công nghiệp nông thôn

7.1. Nhiệm vụ:

7.1.1. Cử công chức, viên chức tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn theo các chương trình, dự án hợp tác quốc tế do Bộ Công Thương tổ chức.

- Số lượng công chức, viên chức tham gia: Theo chỉ tiêu Bộ Công Thương phân bổ,

- Dự kiến kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí khuyến công Quốc gia do Bộ Công Thương trực tiếp thực hiện.

7.1.2. Tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp tại nước ngoài

- Đối tượng tham gia: công chức, viên chức các sở, ngành, các huyện, thành phố và cán bộ quản lý, kỹ thuật của các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Số lượng: 01 Đoàn với 15 người tham gia.

- Kinh phí dự kiến thực hiện: 370 triệu đồng.

7.2. Kinh phí hỗ trợ thực hiện: 370 triệu đồng, từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương

8. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công

8.1. Nhiệm vụ:

8.1.1. Kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công. Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và TVPTCN.

Kinh phí dự kiến thực hiện: 400 triệu đồng, từ nguồn ngân sách tỉnh. 

8.1.2. Tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp tại các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc.

- Đối tượng hỗ trợ: công chức, viên chức các sở, ngành, các huyện, thành phố và cán bộ quản lý, kỹ thuật của các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Số lượng: 01 Đoàn với 15 người tham gia, kinh phí 200 triệu đồng, từ nguồn ngân sách tỉnh.

8.2. Kinh phí hỗ trợ thực hiện: 600 triệu đồng, từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công

- Nguồn kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ thông qua các đề án khuyến công được Bộ Công Thương phê duyệt.

- Nguồn vốn sự nghiệp công thương được giao hàng năm (Thông qua chương trình khuyến công địa phương): Hàng năm, căn cứ vào chương trình khuyến công được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức chi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, Sở Công thương lập dự toán kinh phí khuyến công cấp tỉnh để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công thương, gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

- Nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình khác

- Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công

Nguồn kinh phí khuyến công quốc gia bảo đảm chi cho các đề án khuyến công được Bộ Công Thương phê duyệt.

Nguồn ngân sách địa phương bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân các cấp quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động, sản phẩm sản xuất có ý nghĩa trong tỉnh phù hợp với quy hoạch, chương trình về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Đề án khuyến công thực hiện theo phương thức xét chọn hoặc đấu thầu theo quy định của Bộ Công Thương (đối với kinh phí khuyến công quốc gia), Ủy ban nhân dân các cấp (đối với kinh phí khuyến công địa phương).

3. Kinh phí thực hiện đề án khuyến công

Tổng kinh phí thực hiện: 140.150 triệu đồng, trong đó:

3.1. Kinh phí từ chủ đầu tư: 84.090 triệu đồng (chiếm 60% kinh phí thực hiện);

3.2. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước: 56.060 triệu đồng (chiếm 40% kinh phí thực hiện) gồm:

- Nguồn đầu tư cân đối từ ngân sách tỉnh (Vốn lồng ghép): 30.000 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí khuyến công quốc gia: 14.200 triệu đồng,
- Nguồn kinh phí khuyến công địa phương: 11.860 triệu đồng.

4. Phân kỳ thực hiện:

(Chi tiết nội dung, kinh phí thực hiện từng nội dung Chương trình xem tại phụ lục 1,2,3 kèm theo).

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền; nâng cao vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của nhà nước về khuyến công đến người dân, doanh nghiệp nhận thức Chương trình khuyến công của tỉnh là một chủ trương đúng đắn và phù hợp với điều kiện hiện nay của địa phương. Huy động các doanh nhân, doanh nghiệp tích cực tham gia và hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công.

Hàng năm tổ chức các cuộc đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh, các ngành, UBND các cấp với chủ doanh nghiệp, để lắng nghe và giải quyết kịp thời các vướng mắc, khó khăn, tạo điều kiện cho cơ sở phát triển. Chủ động rà soát, sửa đổi và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về công tác khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025.

2. Phát triển nguồn nhân lực, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm

2.1. Phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác khuyến công, chủ các cơ sở công nghiệp nông thôn. Tổ chức các đoàn khảo sát học tập kinh nghiệm phát triển sản xuất kinh doanh, mô hình trình diễn kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất sạch hơn. Thường xuyên rà soát số lượng lao động, ngành nghề của người lao động để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tay nghề phù hợp với nhu cầu của các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

2.2. Về nguyên liệu đầu vào cho sản xuất:

Duy trì diện tích, chất lượng vùng nguyên liệu sẵn có; khuyến khích tích tụ đất đai để hình thành các vùng nguyên liệu tập trung theo các phương thức góp đất, thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo thỏa thuận và tự nguyện giữa người có đất và người có nhu cầu sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật. Hỗ trợ hình thành các mô hình liên kết xây dựng vùng nguyên liệu nông sản đáp ứng theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam (VietGAP), sản xuất theo phương pháp hữu cơ (Organic). 

2.3. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Hỗ trợ tiếp cận thị trường thông qua công tác thông tin, xúc tiến thương mại, trưng bày giới thiệu sản phẩm. Hỗ trợ các cơ sở sản xuất khảo sát, tìm kiếm, mở rộng thị trường và tham gia hội chợ, triển lãm.

Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển các chợ vùng nông thôn có nghề phát triển. Khuyến khích, hỗ trợ thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã làm đầu mối cung ứng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.

Nâng cao khả năng tiếp thị, xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ độc quyền cho cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

3. Về khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

Khuyến khích các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ vào sản xuất; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng để giúp các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành quản lý, liên doanh, liên kết và tiêu thụ sản phẩm.

Ưu tiên, hỗ trợ cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đổi mới, áp dụng công nghệ tiên tiến, xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường theo chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ sở công nghiệp thực hiện các quy định về môi trường và xử lý chất thải. Xử lý kịp thời cơ sở vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

4. Về nguồn kinh phí cho hoạt động khuyến công

Hàng năm, bố trí cân đối kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương nhằm đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu hoạt động khuyến công của tỉnh để bảo đảm Chương trình hoạt động có hiệu quả.

Chủ động, tranh thủ nguồn kinh phí khuyến công Quốc gia, bố trí lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia vào chương trình khuyến công. Tích cực khai thác, huy động các nguồn lực từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài tỉnh hỗ trợ kinh phí cho hoạt động khuyến công.

Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đầu tư mở rộng qui mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

5. Tăng cường phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước với các đoàn thể chính trị - xã hội

Triển khai thực hiện tốt các nội dung, chương trình phối hợp hoạt động giữa Sở Công Thương với tổ chức đoàn thể: Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Sơn La, Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh,... để triển khai các hoạt động của Chương trình. 

Phối hợp với các cơ quan, tổ chức tư vấn trong và ngoài tỉnh để triển khai hoạt động khuyến công trong tỉnh, như các Viện, Trường, các chuyên gia, kỹ sư, các nhà quản lý,...

6. Về công tác thi đua khen thưởng

Sở Công Thương đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh khen thưởng, động viên khích lệ kịp thời cho các tổ chức, tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động phát triển công nghiệp, thực hiện tốt công tác khuyến công, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả; thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động, thực hiện an toàn lao động; áp dụng quy trình mới, có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật,... trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp nhằm khuyến khích thi đua phát triển sản xuất, góp phần thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

Giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công theo các nội dung sau:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm tại địa phương theo các nội dung của Chương trình này.

- Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí các đề án thực hiện bằng nguồn kinh phí khuyến công Quốc gia gửi Cục Công thương địa phương thẩm định, trình Bộ Công Thương phê duyệt; xây dựng dự toán kinh phí các đề án thực hiện bằng nguồn ngân sách địa phương gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật về hoạt động khuyến công của địa phương đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

- Là đầu mối hướng dẫn, xử lý những vướng mắc liên quan đến hoạt động khuyến công; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung nội dung Chương trình cho phù hợp các qui định của Nhà nước và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện các đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm hoàn thành tốt các mục tiêu của Chương trình đề ra.

2. Sở Tài chính

Căn cứ vào Chương trình, hàng năm cân đối, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm, trình cấp UBND tỉnh quyết định.

Phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn các thủ tục tài chính có liên quan, cấp phát kinh phí cho các đề án, dự án và kiểm tra quyết toán kinh phí theo quy định. *AM*

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hướng dẫn các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố lồng ghép các nguồn lực để thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với với kế hoạch khuyến công hàng năm.

Phối hợp với Sở Công Thương rà soát trình cấp có thẩm quyền bổ sung, thay đổi chính sách, tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

4. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Công Thương lồng ghép các nguồn lực, các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình xây dựng nông thôn mới, Kế hoạch triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Sơn La,...) trong việc triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương trong hoạt động tư vấn, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có nhu cầu tổ chức các khóa đào tạo nghề; truyền nghề, nâng cao tay nghề và du nhập phát triển nghề.

Chỉ đạo các trường dạy nghề lồng ghép kế hoạch đào tạo nghề hàng năm với hỗ trợ đào tạo nghề nhân, thợ giỏi các ngành nghề thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề có tính đặc thù, có kỹ thuật chuyên sâu gắn với nhu cầu sử dụng của các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương chuyển giao cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp các đề tài, dự án đã nghiên cứu thành công để ứng dụng vào thực tiễn sản xuất nhằm phát huy ngay hiệu quả các đề tài nghiên cứu khoa học tại địa phương; tìm kiếm và thông tin tuyên truyền về những công nghệ tiên tiến, phù hợp với năng lực sản xuất tại địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp xác lập, khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ (*gồm hướng dẫn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích,...*) đối với sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

7. Các sở, ban, ngành có liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương thực hiện lồng ghép các dự án, các Chương trình khác với Chương trình này để thực hiện có hiệu quả.

8. UBND các huyện, thành phố

Tuyên truyền chính sách khuyến công và nội dung Chương trình khuyến công của tỉnh đến các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn.

Hàng năm, xây dựng kế hoạch khuyến công trên địa bàn gửi Sở Công Thương tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt. 

Phối hợp với Sở Công Thương và các Sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình khuyến công trên địa bàn; kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc để thực hiện hiệu quả các nội dung chương trình.

9. Các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội

Tuyên truyền, huy động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia thực hiện Chương trình. Phối hợp với Sở Công Thương, UBND các huyện trong hoạt động khuyến công.

10. Các đơn vị, cơ sở thụ hưởng các đề án khuyến công

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị, tùy thuộc vào nhu cầu cấp thiết của thị trường đối với sản phẩm do đơn vị mình sản xuất và khả năng nguồn vốn của đơn vị để lập kế hoạch đầu tư mở rộng hoặc nâng cấp thiết bị máy móc, đào tạo nhân lực, phát triển sản phẩm,... từ đó, đăng ký với chính quyền địa phương để được hưởng thụ Chương trình khuyến công hỗ trợ.

11. Chế độ thông tin, báo cáo

Định kỳ hàng năm, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan báo cáo kết quả triển khai hoạt động khuyến công về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Công Thương./. *QNV*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh





Phụ lục 01:

CÁC NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
 (Kèm theo Quyết định số 13/0/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh)

TT		Nội dung thực hiện	Đ V T	Nhiệm vụ hàng năm																				Tổng giai đoạn 2021 - 2025			
				Năm 2021				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025							
				Tổng số	KC QG	KC ĐP	Văn Làng phép NS tỉnh	Tổng số	KC QG	KC ĐP	Huy động các cơ sở CN- TT CN	Tổng số	KC QG	KC ĐP	Văn Làng phép NS tỉnh	Tổng số	KC QG	KC ĐP	Văn Làng phép NS tỉnh	Tổng số	KC QG	KC ĐP	Văn Làng phép NS tỉnh				
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21= 22+ 23 +24	22	23		
Hỗ trợ phát triển các cụm công nghiệp; hỗ trợ đầu tư, sửa chữa, nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường																											
1	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	Cụm CN	1	1			1	1			1	1			1	1			1	1			5	5			
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp	Cụm CN	1			1	1	1			1			1	1			1	1			1	5			5	
3	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường	Cơ sở					1	1		1	1	1							1	1			3	3			

TT	Nội dung thực hiện	Đ V T	Nhiệm vụ hàng năm																Tổng giá trị đoạn 2021 - 2025																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
			Năm 2021				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025				Tổng số	KC QG	KC ĐP	Vốn Lồng ghép NS tỉnh																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
			Tổng số	KC QG	KC ĐP	Vốn Lồng ghép NS tỉnh	Tổng số	KC QG	KC ĐP	Huy động các cơ sở CN- TT CN	Tổng số	KC QG	KC ĐP	Vốn Lồng ghép NS tỉnh	Tổng số	KC QG	KC ĐP	Vốn Lồng ghép NS tỉnh																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
II	Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
1	Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh	HN	1	1								1	1									1			3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	

Nhiệm vụ hàng năm																	Tổng giải đoàn 2021 - 2025			
TT	Đ V T	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Tổng số	KC QG	KC ĐP	Vấn Lòng ghép NS tính
		Tổng số	KC QG	KC ĐP	Vấn Lòng ghép NS tính	Tổng số	KC QG	KC ĐP	Huy động các cơ sở CN- TT CN	Tổng số	KC QG	KC ĐP	Vấn Lòng ghép NS tính	Tổng số	KC QG	KC ĐP				
1	Tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp tại nước ngoài	Đoàn n	1	1													1	1		
VII 1	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật; bồi dưỡng nâng cao cho nghệ nhân thủ công nghiệp, người có tay nghề cao để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn.																			
1	Kiến tạo bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công. Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và TVPTCN.	lần	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	4	4		
2	Tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp tại các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc	đoàn	1	1													1	1		



Phụ lục 02:

DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
 (Kèm theo Quyết định số 130 /QĐ-UBND ngày 10/1/2021 của UBND tỉnh)

Kinh phí thực hiện hàng năm																	Tổng kinh phí giai đoạn 2021 - 2025					
TT	Nội dung thực hiện	Năm 2021				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025				
		Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	
	Hỗ trợ phát triển các cụm công nghiệp; hỗ trợ đầu tư, sửa chữa, nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường																					
1	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	500	500	0	0	500	500	0	0	500	500	0	0	500	500	0	0	500	500	0	0	
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp	6.000	0	6000		6.000	0	6000		6.000	0	6000		6.000		6000	30.000	0	30.000	0	0	
3	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường	0	0	0	0	300	300	0		300	300	0				0	300	300	0	0	0	
II	Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm																					
1	Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh	240	0	0	240	0	0	0	0	250	0	0	250	0	0	0	300	0	300	790	0	790
2	Tham gia Hội chợ, triển lãm quảng bá sản phẩm CN-TT/CN	100	0	0	100	100	0	0	100	100	0	0	100	100	0	0	100	500	0	0	500	
3	Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm trong nước	0	0	0	0	400	0	0	400	400	0	0	400	400	0	0	400	1.600	0	0	1.600	
4	Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	3.000	2.500	0	500	0	0	0	0	3.000	2.500	0	500	

TT	Nội dung thực hiện	Kính phí thực hiện hàng năm															Tổng kinh phí giai đoạn 2021 - 2025									
		Năm 2021					Năm 2022					Năm 2023					Năm 2024					Năm 2025				
		Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh		
5	Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm	175	0	0	175	175	0	0	175	175	0	0	175	175	0	0	175	175	0	0	175	175	0	0	875	
6	Hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các điểm trưng bày trên địa bàn tỉnh, cơ sở CNNT.	50	0	0	50	250	0	0	250	0	0	0	0	250	0	0	250	0	0	0	0	550	0	0	550	
7	Hỗ trợ cơ sở CNNT có sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia, cấp khu vực, cấp tỉnh trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại cơ sở.	90	0	0	90	90	0	0	90	90	0	0	90	90	0	0	90	90	0	0	90	450	0	0	450	
III Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp																										
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	0	0	0	0	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	2.000	2.000	0	0	
2	Hỗ trợ đầu tư ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN	1.800	1.200	0	600	1.800	1.200	0	600	1.800	1.200	0	600	1.800	1.200	0	600	1.800	1.200	0	600	9.000	6.000	0	3.000	
IV Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp																										
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp	0	0	0	0	300	0	0	300	300	0	0	300	0	0	0	0	300	0	0	300	900	0	0	900	
2	Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp	60	60	0	0	60	60	0	0	60	60	0	0	60	60	0	0	60	60	0	0	300	300	0	0	
3	Hỗ trợ cơ sở sản xuất công nghiệp về tư vấn, đánh giá, áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn trong nghiệp	100	0	0	100	100	0	0	100	100	0	0	100	100	0	0	100	100	0	0	100	500	0	0	500	



Kinh phí thực hiện hàng năm																					Tổng kinh phí giai đoạn 2021 - 2025	
		Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025								
TT		Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh			
4	Tổ chức 01 đợt tập huấn, đào tạo cho các cơ sở CNNT tiếp cận các hội đồng liên quan về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	0	0	0	0	100	0	0	100	0	0	0	0	0	0	0	0	100	0	100		
V Hỗ trợ thuế tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; Marketing; Quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; Thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói																						
1	Hỗ trợ thuế tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói	175	0		175	175	0		175	175	0		175	175	0		175	875	0	875		
VI Hỗ trợ xây dựng chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; các mô hình hoạt động hiệu quả trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh																						
1	Hỗ trợ xây dựng chương trình phát thanh truyền hình trên Đài PTTH tỉnh Sơn La, Báo Sơn La và các hình thức TT khác	50	0	0	50	50	0	0	50	50	0	0	50	50	0	0	50	250	0	250		
VII Hỗ trợ tổ chức tham quan mô hình, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, giới thiệu công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.																						
Tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp tại nước ngoài		0	0	0	0	370	0	370	0	0	0	0	0	0	0	0	0	370	0	370		
VIII Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật; bồi dưỡng nâng cao cho nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp, người có tay nghề cao để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn.																						
Kiến toàn bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công. Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và TVPTCN.		0	0	0	0	100	0	0	100	100	0	0	100	100	0	0	100	400	0	400		

TT	Nội dung thực hiện	Kinh phí thực hiện hàng năm																Tổng kinh phí giai đoạn 2021 – 2025							
		Năm 2021				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025							
		Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP	Tổng số	KC QG	Vốn lồng ghép NS tỉnh	KC ĐP				
1	Tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp tại các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc	0	0	0	0	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	0	0	200				
	Tổng	9.340	1.760	6.000	1.580	12.070	3.060	6.000	3.010	13.400	4.560	6.000	2.840	10.800	2.760	6.000	2.040	10.450	2.060	6.000	2.390	56.060	14.200	30.000	11.860



Phụ lục 03:

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH SƠN LA GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó		
			Chia ra		
			KCQG	Vốn LG	KCDP
1	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; hỗ trợ đầu tư, sửa chữa, nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường	33.400	3.400	30.000	0
2	Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, thông qua việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm	7.765	2.500	0	5.265
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp	11.000	8.000	0	3.000
4	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	1.800	300	0	1.500
5	Hỗ trợ xây dựng, thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn	875	0	0	875
6	Hỗ trợ xây dựng chương trình truyền truyền, phổ biến chính sách phát triển công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp; các mô hình hoạt động hiệu quả trong sản xuất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	250	0	0	250

TT	Nội dung	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó		
			Chia ra		
			KCQG	Vốn LG	KCĐP
7	Hỗ trợ tổ chức tham quan mô hình, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, giới thiệu công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại cho các cơ sở công nghiệp nông thôn	370	0	0	370
8	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật; bồi dưỡng nâng cao cho nghệ nhân tiêu thụ công nghiệp, người có tay nghề cao để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn	600	0	0	600
	Tổng cộng	56.060	14.200	30.000	11.860